

Số: **10/2022/QĐST-DS**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ngày 19 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B ;

Địa chỉ: Số ** phố L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm T A, Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SEM và cá nhân, Ngân hàng thương mại cổ phần B Hội sở theo văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07.07.2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần B.

- Bị đơn Công ty TNHH V

Trụ sở: Số nhà **, ngách **, ngõ *** phố K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật Ông Lê Đình D - Chức vụ: Giám đốc

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đình D, sinh ngày 17/03/1979; CCCD số 03807900**** do cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/01/2016; Trú tại: Số nhà **, ngách **, ngõ *** phố K, phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận công nợ giữa Công ty V và Ngân hàng B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 23.3.2022, số tiền là:

- Nợ thẻ tín dụng: 107.012.157 đồng
- Nợ gốc: 508,295,962 đồng
- Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 171.420.994 đồng
- Tổng cộng: 786.729.113 đồng (*Bảy trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười ba đồng*).
- Phía Công ty V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền trên theo quy định.

Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng B các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/5/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Lê Đình D có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản tiền phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã nêu.

2.2. Trong trường hợp Công ty TNHH V và ông Lê Đình D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty V, ông Lê Đình D để thu hồi nợ vay.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, phía bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất theo thỏa thuận với Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Khoản nợ lãi không phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu 17.734.500 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm ba tư nghìn năm trăm đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 14.660.000 (*Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007382 ngày 19.01.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Hương